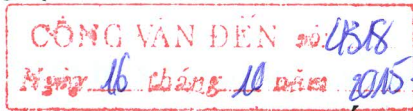


Số: 51 /2015/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 15 tháng 10 năm 2015



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số  
trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 05/2010/TT-BNV ngày 01/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 43/TTr-STTTT ngày 14/10/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *sm*

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh; Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (QĐ);
- Sở Tư pháp; Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PTHT tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các chuyên viên. *luc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoãn Văn Hưởng**

**QUY CHẾ**

**Quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ; 51 /2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.**

1. Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng cấp cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

- a) Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp;
- b) Các sở, ban, ngành tỉnh;
- c) Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh;
- d) Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc UBND cấp huyện.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ.**

Theo quy định của Luật Giao dịch điện tử; Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giao dịch điện tử*: là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử.
2. *Thông điệp dữ liệu*: là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.
3. *Văn bản điện tử*: là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.
4. *Chứng thư số*: là một dạng chứng thư điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp.
5. *Chữ ký số*: là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khoá công khai của người ký có thể xác định được chính xác:
  - a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai trong cùng một cặp khóa;

b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

6. *Hệ thống mật mã không đối xứng*: là hệ thống mật mã có khả năng tạo được cặp khóa bao gồm khoá bí mật và khoá công khai.

7. *Khoá*: là một chuỗi các số nhị phân (0 và 1) dùng trong các hệ thống mật mã.

8. *Khóa bí mật*: là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký số.

9. *Khóa công khai*: là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra chữ ký số được tạo bởi khoá bí mật tương ứng trong cặp khóa.

10. *Ký số*: là việc đưa khóa bí mật vào một chương trình phần mềm để tự động tạo và gắn chữ ký số vào thông điệp dữ liệu.

11. *Thuê bao*: là tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số, chấp nhận chứng thư số và giữ khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số được cấp đó.

12. *Thiết bị ký số*: là thiết bị vật lý chứa chứng thư số và khóa bí mật của thuê bao.

### **Điều 3. Quản lý thuê bao chứng thư số.**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quản lý thuê bao chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng cấp cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

### **Điều 4. Giá trị pháp lý của chữ ký số.**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8, Điều 9 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, quy định giá trị pháp lý của chữ ký số và đáp ứng các quy định tại Điều 5 Quy chế này.

### **Điều 5. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số.**

Theo Điều 9 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, Chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số có hiệu lực đó.

2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng cấp.

3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

4. Khóa bí mật và nội dung thông điệp dữ liệu chỉ gắn duy nhất với người ký khi người đó ký số thông điệp dữ liệu.

### **Điều 6. Văn bản điện tử áp dụng chữ ký số.**

1. Tùy theo tình hình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các loại văn bản áp dụng chữ ký số và thực hiện gửi, nhận hoàn toàn trên môi trường mạng giữa các cơ quan nhà nước.

2. Không áp dụng chữ ký số đối với các văn bản mật và các văn bản được quy định tại Điều 1, Luật Giao dịch điện tử, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hồi phiếu và các giấy tờ có giá khác.

### **Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm.**

Nghiêm cấm các hành vi quy định tại Điều 7, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, cụ thể như sau:

1. Sử dụng chữ ký số nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hoạt động buôn lậu hoặc tiến hành các hoạt động khác trái với pháp luật, đạo đức xã hội.

2. Trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, phá hoại hệ thống dịch vụ chứng thực chữ ký số của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Cản trở hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số.

4. Làm giả hoặc hướng dẫn làm giả chứng thư số.

5. Trộm cắp, gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép khóa bí mật của người khác.

## **Chương II**

## **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỨNG THƯ SỐ VÀ CHỮ KÝ SỐ**

### **Điều 8. Điều kiện cấp chứng thư số.**

Cơ quan, đơn vị và cá nhân đề nghị cấp chứng thư số phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là cơ quan, đơn vị và cá nhân quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.

2. Có địa chỉ hộp thư điện tử thuộc hệ thống thư điện tử tỉnh Lào Cai (@laocai.gov.vn).

### **Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn chứng thư số.**

1. Đối với cấp, gia hạn chứng thư số cho cá nhân:

a) Văn bản đề nghị cấp, gia hạn chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị;

b) Danh sách đề nghị cấp, gia hạn chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Đối với cấp, gia hạn chứng thư số cho cơ quan, đơn vị:

a) Văn bản đề nghị cấp, gia hạn chứng thư số có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị;

b) Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, đơn vị.

### **Điều 10. Cấp chứng thư số.**

1. Các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số theo quy định tại Điều 9 Quy chế này gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xem xét hồ sơ:

a) Trường hợp đề nghị cấp chứng thư số hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông lập danh sách thuê bao đề nghị cấp chứng thư số gửi đến Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị không hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản, hướng dẫn cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ;

c) Tiếp nhận kết quả giải quyết của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng:

- Tiếp nhận chứng thư số, thiết bị ký số từ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; Tổ chức bàn giao chứng thư số, thiết bị ký số tới các cơ quan, đơn vị. Việc bàn giao chứng thư số, thiết bị ký số phải thực hiện trực tiếp và phải lập biên bản giao nhận.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị không được Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng chấp nhận, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không được chấp nhận gửi cho cơ quan, đơn vị có liên quan.

### **Điều 11. Quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị số.**

1. Đối với chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số cá nhân:

a) Tự quản lý chứng thư số, chữ ký số của cá nhân và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng chứng thư số, chữ ký số được cấp;

b) Quản lý và sử dụng thiết bị ký số theo chế độ quản lý bí mật nhà nước ở cấp độ “Tối mật”;

c) Chữ ký số của người được cấp chứng thư số theo quy định tại Điều 8 Quy chế này chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch theo đúng chức danh của người đó;

d) Việc ký thay, ký thừa lệnh theo quy định của pháp luật thực hiện bởi người có thẩm quyền sử dụng chữ ký số của mình, được hiểu căn cứ vào chức danh của người ký ghi trên chứng thư số.

2. Đối với chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký của cơ quan, đơn vị:

a) Quản lý và sử dụng thiết bị ký số theo chế độ quản lý bí mật nhà nước ở cấp độ “Tối mật”;

b) Thiết bị ký số phải được giao cho cán bộ văn thư giữ và ký số vào văn bản điện tử tại cơ quan, đơn vị;

c) Chỉ được ký số vào những văn bản điện tử đã có chữ ký số của người có thẩm quyền hoặc văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy đã được ký tên và đóng dấu.

### **Điều 12. Gia hạn chứng thư số.**

1. Chậm nhất 30 ngày, trước ngày chứng thư số hết hạn, cơ quan, đơn vị có nhu cầu gia hạn chứng thư số phải lập hồ sơ đề nghị gia hạn chứng thư số theo quy định tại Điều 9 Quy chế này gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Tổng hợp danh sách đề nghị gia hạn chứng thư số gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đảm bảo trong thời gian quy định;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn chứng thư số không hợp lệ, Sở thông tin và Truyền thông hướng dẫn để cơ quan, đơn vị đó hoàn thiện hồ sơ;

c) Tiếp nhận thông báo gia hạn chứng thư số từ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng và chuyển cho các cơ quan, đơn vị.

### **Điều 13. Khôi phục thiết bị ký số.**

1. Các trường hợp phải khôi phục thiết bị ký số:

a) Quên mật khẩu truy cập thiết bị ký số;

b) Thiết bị ký số bị khóa do nhập sai mật khẩu quá số lần quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị khôi phục thiết bị ký số đến Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Căn cứ đề nghị khôi phục thiết bị ký số của các cơ quan, đơn vị Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện:

a) Gửi văn bản đề nghị hỗ trợ mở khóa thiết bị ký số tới Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

b) Tiếp nhận thông báo khôi phục thiết bị ký số từ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng và chuyển cho cơ quan, đơn vị có liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc.

### **Điều 14. Thu hồi chứng thư số.**

1. Chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng cấp cho cá nhân, cơ quan, đơn vị bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chứng thư số hết hạn sử dụng (mà không được gia hạn);

b) Khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; Thiết bị ký số bị mất; bị sao chép chứng thư số và khóa bí mật của thiết bị ký số hoặc các trường hợp mất an toàn khác;

c) Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan an ninh hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Đối với chứng thư số cá nhân: Ngoài các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b, điểm c nêu trên, thuộc các trường hợp: Nghi hưu, thôi việc, chết, mất tích, thay đổi chức danh, thay đổi vị trí công tác mà thông tin về vị trí công tác mới không còn phù hợp với thông tin trong chứng thư số;

đ) Đối với chứng thư số cơ quan, đơn vị: Ngoài các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b, điểm c nêu trên, thuộc các trường hợp: Khi có quyết định giải thể, chia tách, sáp nhập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2. Quy trình thu hồi chứng thư số:

a) Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến Sở Thông tin và Truyền thông, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ khi phát sinh trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số, Sở Thông tin và Truyền thông gửi yêu cầu thu hồi chứng thư số tới Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thu hồi chứng thư số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị bị thu hồi chứng thư số và tiến hành thu hồi thiết bị ký số, bàn giao lại cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Quá trình giao, nhận phải lập biên bản giao nhận.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông.**

1. Quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp, thu hồi, gia hạn chứng thư số, khôi phục thiết bị ký số và biên bản giao nhận chứng thư số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
2. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, hội nghị tuyên truyền về ứng dụng chữ ký số, sử dụng văn bản điện tử trong các hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
3. Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số; ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử, nâng cao an toàn thông tin.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
5. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí duy trì, triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình triển khai, sử dụng chữ ký số trên địa bàn tỉnh theo quy định.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.**

1. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy chế này, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số tại cơ quan, đơn vị mình và các quy định khác có liên quan.
2. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chữ ký số đã cấp cho cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý, tăng cường trao đổi văn bản điện tử được ký số, nâng cao an toàn, an ninh thông tin.
3. Kịp thời đề xuất cấp, gia hạn, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị ký số cho cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý.
4. Cung cấp, chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đề nghị cấp, gia hạn, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị ký số thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý.
5. Cử cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, tổng hợp nhu cầu đăng ký cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị ký số tại cơ quan đơn vị.
6. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số của cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý.
7. Định kỳ hàng năm báo cáo 6 tháng (trước 20 tháng 6), báo cáo năm (trước 20 tháng 11) hoặc báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số tại cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của cán bộ, công chức được cấp chứng thư số và cán bộ Văn thư.**

1. Tiếp nhận và quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý, thay đổi mật khẩu thiết bị ký số được cấp chậm nhất 06 tháng một lần.

3. Thông báo kịp thời cho lãnh đạo và cán bộ đầu mối của cơ quan, đơn vị khi phải gia hạn, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị ký số để cơ quan, đơn vị tổng hợp gửi Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Quy chế này.

4. Tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến về ứng dụng, sử dụng chữ ký số do cơ quan cấp trên và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

5. Cán bộ văn thư có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại các Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Không giao thiết bị ký số của cơ quan, đơn vị cho người khác khi chưa được phép bằng văn bản của người có thẩm quyền;

c) Chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này và các quy định khác có liên quan;

d) Trường hợp nghỉ việc hoặc chuyển công tác phải thực hiện bàn giao thiết bị ký số và mật khẩu truy cập cho cán bộ tiếp quản.

**Điều 18. Trách nhiệm của cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin các cơ quan, đơn vị.**

1. Chịu trách nhiệm cài đặt, quản lý, cập nhật phiên bản phần mềm hỗ trợ ký số (nếu có) tại cơ quan, đơn vị mình.

2. Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và thiết bị ký số cho các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

3. Thường xuyên triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các máy tính cài đặt phần mềm hỗ trợ ký số.

4. Tham gia các hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến về ứng dụng chữ ký số do Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức.

**Điều 19. Điều khoản thi hành.**

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *sm*



**Doãn Văn Hưởng**